

Bản án số:60/2024/HS- ST  
Ngày 27-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Kiểm

Ông Trần Văn Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Trường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2024/TLST- HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1968

Tên gọi khác: không; nơi đăng ký thường trú: tổ C, khu C, xã S, thành phố B; chỗ ở: thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Kim Đ và bà: Nguyễn Thị N; chồng: Nguyễn Đức D; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án: không; tiền sự: Tại quyết định xử phạt hành chính số 1813/QĐ-XPHC ngày 9/05/2023 của UBND huyện T xử phạt Nguyễn Thị Kim C 15 triệu đồng về hành vi “Hoạt động kinh doanh ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự khi chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự”. Chấp hành nộp phạt xong ngày 15/5/2023; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/1999/HS-ST ngày 30/01/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt C 12 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Ngày 01/02/2005, Nguyễn Thị Kim C được đặc xá tha tù trước thời hạn có điều kiện. Chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 29/12/2000.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

\* Người làm chứng:

- Anh Trần Văn L, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.  
- Chị Nông Phương T1, sinh năm 2004 (vắng mặt)  
Nơi cư trú: xóm H, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 03/4/2024, tại nơi ở của Nguyễn Thị Kim C – sinh năm 1968 ở thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện T, tỉnh Bắc Giang kiểm tra, phát hiện tại phòng 201 tầng hai của ngôi nhà có 03 người gồm: Nguyễn Văn T, sinh năm 2004, trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Trần Văn L sinh năm 2000, trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Nông Phương T1, sinh năm 2004 nơi đăng ký thường trú xã H, huyện G, tỉnh Nam Định. Ngoài ra, tại nơi ở của C còn có Nông Phương T2 – sinh năm 2004 nơi đăng ký thường trú xã H, huyện G, tỉnh Nam Định và Lang Thị B – sinh năm 2000 nơi đăng ký thường trú xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (T2, T1, B là nhân viên C thuê phục vụ phòng hát karaoke). Cơ quan Công an đến kiểm tra làm việc thì T khai nhận vừa sử dụng ma túy, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Kim C đều khai nhận C là người bán ma túy cho T, bố trí cho T sử dụng ma túy tại phòng 201 tầng hai nơi ở C. Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

+ Thu trên mặt đệm trong phòng 201 tầng hai nhà của C: 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng, trên đĩa có bám dính chất bột màu trắng nghi là ma túy, 01 (một) thẻ nhựa màu xanh trên mặt có chữ VINAPHONE có chất bám dính màu trắng nghi là ma túy, 01 (một) ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và vỏ đầu lọc thuốc lá, 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa, viền màu đỏ. Tất cả được niêm phong trong 01 hộp bìa cát tông ký hiệu “QT CHUNG”.

+ 01 bật lửa gas màu vàng;

+ Thu giữ của Nguyễn Thị Kim C: 01 ví da cầm tay màu nâu vàng, bên trong chứa: 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị Kim C, số tiền 2.000.000 đồng. 01 điện thoại di động S Note 20Ultra màu hồng lắp sim số 0367.663.526. 01 điện thoại di động RedmiNote11, màu xanh lắp sim số 0965.207.333.(BL: 39-41)

Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành test nhanh chất ma túy trong nước tiểu của Nguyễn Văn T, Trần Văn L, Nông Phương T1, Lang Thị B và Nông Phương T2. Kết quả T dương tính với ma túy (MDMA, KET) MET và T2 dương tính với ma túy MDMA, còn L, B, T1 âm tính với ma túy.

Cùng ngày 03/4/2024, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Kim C. Kết quả, thu giữ: 01 cân điện tử màu đen, mặt dưới không có nắp đáy pin và có chữ, số “200Gx0.01g”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim C khai nhận: Khoảng từ năm 2020 đến nay, C thuê lại nhà nghỉ 568 của vợ chồng chị Vũ Thị Tuyết M – sinh năm 1982 trú tại thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. C cải tạo phòng số 201 ở tầng hai làm phòng hát karaoke và thuê Nông Phương T1, Nông Phương T2, Lang Thị B làm nhân viên phục vụ phòng hát.

Khoảng 17 giờ ngày 03/4/2024, C đang ở nhà nghỉ thì có Nguyễn Văn T và Trần Văn L đến thuê phòng hát Karaoke. Sau đó, T hỏi C là “có đồ không?” (C hiểu ý là T

hỏi mua ma túy của C) nên C bảo với T là “có”, T bảo C bán cho 01 (một) chỉ ketamine và 01 (một) viên ma túy tổng hợp dạng kẹo, C bảo T giá 1.600.000 đồng, T đưa cho C 2.000.000 đồng, bảo “chị cầm trước”, C hiểu đây gồm 1.600.000 đồng tiền mua ma túy và 400.000 đồng tiền phòng hát karaoke. T bảo C chuẩn bị cho T đĩa sứ, thẻ nhựa (C hiểu là để T sử dụng ma túy) và cho 01 nhân viên phục vụ, C đồng ý dẫn T, L vào phòng 201. Sau đó, C bảo Nông Phương T1 lên phục vụ phòng của T và đưa cho T1 01 đĩa sứ màu trắng và thẻ nhựa để cầm lên phòng cho T. Khi T1 lên đến phòng T1 để đĩa sứ và thẻ cứng trên mặt bàn và rót bia cho T và L thì T hỏi T1 “đồ đâu?”, T1 hỏi lại “Đồ gì anh” T bảo T1 “Cứ xuống hỏi bà C”. Trong lúc T1 lên phòng 201 để phục vụ, C ra quầy thu ngân lấy túi nilon màu trắng đựng ma túy ketamine và 01 viên ma túy dạng kẹo dùng giấy vệ sinh màu trắng quấn bên ngoài túi ma túy. Khi T1 xuống tầng một lấy hoa quả, thì C đưa cho T1 01 gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong quấn túi nilon đựng ma túy bảo T1 cầm lên phòng cho T (C không nói cho T1 biết đây là ma túy). T1 cầm gói giấy lên phòng đưa cho T, T mở gói ma túy ra cầm viên ma túy tổng hợp dạng kẹo bằng hình thức uống, sau khi uống xong, T đổ chất ma túy Ketamin ra đĩa sứ lấy bật lửa hơi nóng dùng thẻ nhựa đảo một lúc rồi dùng ống hút được quấn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng sử dụng một mình bằng hình thức hít, còn L và T1 ngồi hát karaoke. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an đến kiểm tra bắt quả tang C về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Về nguồn gốc số ma túy C bán cho T, C khai là do C nhặt được tại khu vực nền nhà gần ghé ngồi trong phòng hát 201 tầng 2 ngôi nhà do C quản lý cách ngày bị bắt khoảng một tuần, C không biết ai làm rơi từ bao giờ, C nhặt được cất giấu ở bàn quầy thu ngân nhằm mục đích ai hỏi thì bán. Ngày 03/4/2024, C đã bán hết cho T số ma túy nhặt được này.

Tại Kết luận giám định số 775/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

“Trong 01 (một) hộp bìa cát tông có ký hiệu “QT CHUNG” đã được niêm phong gửi giám định: Chất màu trắng bám dính trên 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng và 01 (một) thẻ nhựa màu xanh, trên thẻ có chữ VINAPHONE đều là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng”.

Tại Cáo trạng số: 52/CT- VKS ngày 17/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 255, khoản 1 Điều 251, khoản 1 Điều 55, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chung từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 04 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Chung từ 02 năm đến 02 năm 02 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 02 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2024. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Chung thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến. Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: tại phiên tòa, bị cáo có mặt đã hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như quyết định truy tố đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giám định và các tài liệu có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 03/4/2024, tại nơi ở của Nguyễn Thị Kim C – sinh năm 1968 ở thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang có hành vi bán trái phép 01 chỉ ma túy tổng hợp ketamine và 01 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo với giá 1.600.000 đồng cho Nguyễn Văn T. Bị cáo Nguyễn Thị Kim C còn chuẩn bị địa điểm, dụng cụ tổ chức cho Nguyễn Văn T sử dụng trái phép số ma túy mà T mua của C ở tại phòng 201 tầng hai nơi ở của C.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo C1 đã bán cho Nguyễn Văn T 01 chỉ ma túy tổng hợp ketamine và 01 viên ma túy tổng hợp dạng kẹo. Bị cáo Chung còn chuẩn bị dụng cụ là đĩa sứ, thẻ nhựa và cho T sử dụng địa điểm đang do bị cáo quản lý để T sử dụng ma túy nên hành vi của bị cáo C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo Chung là người có nhân thân không tốt đã bị xử phạt vi phạm hành chính và bị kết tội bằng bản án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo Chung thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Kim Đ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo có bố chồng là ông Nguyễn Đức T3 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[5] Đối với hành vi C1 cho khách thuê phòng hát Karaoke mà không có giấy phép kinh doanh theo quy định, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chuyển tài liệu đến Công an huyện T để xử lý hành chính theo quy định.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chuyển tài liệu đến Công an huyện T để xử lý hành chính theo quy định.

[7] Đối với Trần Văn L là người đi cùng T đến quán N1 để hát karaoke, L không sử dụng ma túy, không góp tiền hay bàn bạc gì việc mua ma túy để sử dụng cùng với T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với L.

[8] Đối với Nông Phương T1 là nhân viên phục vụ quán hát cho C1 được C1 bảo cầm đĩa sứ, thẻ nhựa và gói giấy đựng ma túy đưa cho T. Tuy nhiên, khi cầm đĩa sứ, thẻ nhựa lên cho T thì T1 không biết mục đích để T sử dụng ma túy, khi nhận gói giấy từ C1, T1 không biết bên trong đựng ma túy nên T1 không vi phạm pháp luật.

[9] Đối với Nông Phương T2 là nhân viên phục vụ quán hát cho C1, T2 khai T2 dương tính với ma túy do ngày 02/4/2024 khách trong phòng hát đưa cốc cocacola cho T2 uống, T2 không biết trong cốc đó có ma túy, sau khi uống xong T2 mới biết. T2 cũng không quen biết người khách này, không biết tên, tuổi, địa chỉ của người khách này. Bản thân C1 khai C1 không biết việc ngày 02/4/2024 khách sử dụng ma túy tại phòng hát. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã rà soát camera tại khu vực quán và khu vực xung quanh nhưng không có thiết bị camera hay thiết bị ghi hình nào có lưu trữ hình ảnh nên Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng sử dụng ma túy tại phòng hát ngày 02/4/2024 là ai. Ngoài lời khai của T2 không có tài liệu chứng cứ nào khác để làm rõ nội dung này. Việc T2 sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không biết trong cốc cocacola có ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý hành chính.

[10] Đối với chị Vũ Thị Tuyết M cho bị cáo C1 thuê nhà nhưng không biết C1 bán ma túy và cung cấp địa điểm, dụng cụ cho T sử dụng trái phép chất ma túy nên M không vi phạm pháp luật.

[11] Về vật chứng:

- “Trong 01 (một) hộp bìa cát tông có ký hiệu “QT CHUNG”: mẫu chất màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng và 01 thẻ nhựa màu xanh, trên thẻ có chữ VINAPHONE đều là ma túy, loại Ketamine được sử dụng hết trong quá trình giám định; 01 vỏ đầu thuốc lá và 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ. Hộp bìa cát tông được niêm phong lại bằng dấu của Phòng K - Công an tỉnh B có chữ

ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bật lửa gas màu vàng là dụng cụ để T sử dụng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị Kim C số 004168008074 là giấy tờ cá nhân của bị cáo Chung nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 cân điện tử màu đen Nguyễn Thị Kim C khai do năm 2023 C được một người khách cho C, C không sử dụng vào việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo Chung không đề nghị được xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ví da cầm tay màu nâu vàng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 20Ultra màu hồng lắp sim số 0367.663.526, số imeil 1: 352.682.501.706.773/01; 01 điện thoại di động RedmiNote11, màu xanh lắp sim số 0965.207.333, số imeil 1: 867.654.060.273.840/00 và số tiền 400.000 đồng là tài sản của bị cáo Chung không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số tiền 1.600.000 đồng là tiền C bán ma túy cho T và tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng Nguyễn Văn T đã sử dụng là ống hút ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[12] Về án phí: bị cáo Chung phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Kim C 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Kim C 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 03/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim C.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Trong 01 (một) hộp bìa cát tông có ký hiệu “QT CHUNG”: mẫu chất màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng và 01 thẻ nhựa màu xanh, trên thẻ có chữ VINAPHONE đều là ma túy, loại Ketamine được sử dụng hết

trong quá trình giám định; 01 vỏ đầu thuốc lá và 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa viền màu đỏ. Hộp bìa cát tông được niêm phong lại bằng dấu của Phòng K - Công an tỉnh B có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định; 01 bật lửa gas màu vàng; 01 cân điện tử màu đen.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.600.000 đồng trong 01 phong bì ký hiệu “Tiền C” được niêm phong bên trong có số tiền 2.000.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trong 01 hộp bìa cát tông có ký hiệu “QT C”. Hộp bìa cát tông được niêm phong lại bằng dấu của Phòng K - Công an tỉnh B có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định.

- Trả lại cho bị cáo Chung: 01 căn cước công dân tên Nguyễn Thị Kim C số 004168008074; 01 ví da cầm tay màu nâu vàng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 20Ultra màu hồng lấp sim số 0367.663.526, số imeil 1: 352.682.501.706.773/01; 01 điện thoại di động RedmiNote11, màu xanh lấp sim số 0965.207.333, số imeil 1: 867.654.060.273.840/00 và số tiền 400.000 đồng trong 01 phong bì ký hiệu “Tiền C” được niêm phong bên trong có số tiền 2.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Oanh**